

## KHÚC HẠO VỚI CÔNG CUỘC CÙNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC Ở THẾ KỈ X - NHÌN TỪ CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI RUỘNG ĐẤT

Trần Thị Thái Hà

*Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sài Gòn*

**Tóm tắt.** Năm 907, Khúc Hạo tiếp nối sự nghiệp tự chủ của cha mình là Khúc Thừa Dụ. Với vai trò là người đứng đầu đất nước, Khúc Hạo đã tiến hành cuộc cải cách trên một số lĩnh vực nhằm kiến tạo nền độc lập tự chủ, xoá bỏ những ảnh hưởng, tàn dư của chế độ đô hộ phương Bắc trong hơn một nghìn năm. Bài viết góp phần làm rõ nội dung và vai trò của chính sách “bình quân thuế ruộng” dưới thời Khúc Hạo cũng như ảnh hưởng của nó đối với sự ổn định và phát triển của đất nước đương thời. Nhờ kết hợp cả hai biện pháp hành chính và kinh tế; khéo léo trong ứng xử với làng xã, biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc, lấy làng xã làm đơn vị hành chính - kinh tế - xã hội để làm nền tảng, chính quyền thời Khúc Hạo đã quản lý đất nước một cách hệ thống, chặt chẽ từ trung ương tới cơ sở. Chính vì vậy, chính sách bình quân thuế ruộng mà Khúc Hạo tiến hành có tác dụng và ảnh hưởng lớn đến việc cải thiện đời sống cho nhân dân, ổn định xã hội, thu hút mọi nguồn lực cho công cuộc trung hưng đất nước ở đầu thế kỉ X.

**Từ khóa:** Khúc Hạo, thuế ruộng, bình quân thuế ruộng, ruộng đất.

### 1. Mở đầu

Xuất hiện trên vũ đài chính trị chỉ gần ¼ thế kỉ, với ba gương mặt đại diện tiêu biểu, nhưng có thể nói, họ Khúc đã giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc. Sau hơn một ngàn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ, Việt Nam không bị biến thành một tỉnh của Trung Quốc như nhiều khu vực lãnh thổ khác, mà trở thành một quốc gia dân tộc. Đó là kết quả cống hiến của đông đảo quần chúng nhân dân yêu nước cũng như các hào trưởng, thủ lĩnh quân sự có tinh thần dân tộc sâu sắc, mà trước hết phải kể đến Khúc Thừa Dụ và các con, cháu của ông – những người mở đầu cho thời kì độc lập tự chủ của dân tộc từ thế kỉ X.

Mặc dù có những khó khăn khi tìm hiểu về giai đoạn lịch sử Việt Nam thế kỉ X do tình hình khuyết thiếu tư liệu, nhưng đã có một số nghiên cứu đề cập đến tầng lớp thổ hào và đóng góp của họ đối với tiến trình khôi phục nền độc lập tự chủ của Việt Nam trong thế kỉ X, có thể kể đến một số bài viết sau: *Về tầng lớp thổ hào, hào trưởng trong xã hội Việt Nam hồi thế kỉ X* in trong *Thế kỉ X, những vấn đề lịch sử* (Nguyễn Danh Phiệt, 1984) [1]; *Tính chất, chức năng của Nhà nước thế kỉ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời* (Phan Huy Lê, 1983) [2], *Về tính chất của nhà nước thời Khúc - Dương - Ngô - Đinh - Tiền Lê (905-1009)* (Phan Huy Lê, 2015) [3], *Thế kỉ X trong tiến trình lịch sử Việt Nam: Một thời kì quá độ và điển hình* (Lê Hiền Chương, 2020) [4]... Những nghiên cứu này ở các mức độ tiếp cận khác nhau đã phân tích, diễn giải đặc điểm và tính chất của bộ máy nhà thời kì họ Khúc nắm quyền đặt trong bối cảnh lịch sử thế kỉ X – thời kì quá độ, bản lề, kết thúc nghìn năm Bắc thuộc – mở đầu thời kì tự chủ, độc lập. Từ đó cũng có những đề cập nhất định tới tình hình kinh tế - xã hội và các biện pháp quản lý đất nước thời Khúc Hạo.

Ngày nhận bài: 21/3/2023. Ngày sửa bài: 29/4/2023. Ngày nhận đăng: 10/5/2023.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thái Hà. Địa chỉ e-mail: [tttha@sgu.edu.vn](mailto:tttha@sgu.edu.vn)

Tiếp cận nghiên cứu thế kỉ X từ góc độ kinh tế - xã hội có thể kể đến công trình *Thế kỉ X và phương thức sản xuất châu Á* (Lê Kim Ngân, 1984) [5], *Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam* (Văn Tạo, 2006) [6], *Một phác thảo về cơ cấu xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ X* (Trương Hữu Quýnh, 1982) [7], *Một số chuyên đề lịch sử Cổ Trung đại Việt Nam: T.2: Kinh tế nông nghiệp Việt Nam thời trung đại (Thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XIX)* (Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Nguyễn Duy Bình, 2013) [8]... Những nghiên cứu này tuy có đề cập đến tình hình kinh tế - xã hội nói chung thời kì họ Khúc dựng nền tự chủ, nhưng chưa có điều kiện để phân tích sâu và hệ thống về vai trò của Khúc Hạo gắn với chính sách thuế và ruộng đất mà ông đã triển khai thực hiện.

Dù vậy, những tư liệu cũng như cách tiếp cận vấn đề từ các công trình đã kể trên chính là nguồn tài liệu tham khảo cũng như gợi mở hữu ích để chúng tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn tìm hiểu kĩ hơn về những đóng góp của họ Khúc với lịch sử dân tộc, thông qua những phân tích chính sách của Khúc Hạo trong lĩnh vực kinh tế mà cụ thể là thuế ruộng đất mà ông đã tiến hành, đặt trong mối quan hệ với sự phát triển của chế độ ruộng đất của Việt Nam ở trước và trong thế kỉ X.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Khái quát về chế độ ruộng đất của Việt Nam trước thế kỉ X**

Đối với một nước nông nghiệp như Việt Nam, ruộng đất luôn là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. “Giữa ruộng đất với hoạt động trồng trọt có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ hơn tất cả các ngành nghề kinh tế khác. Nghề nông trồng lúa nước, sử dụng cuốc đá, và sau này là lưỡi cày bằng kim loại với sức kéo của trâu bò đã xuất hiện khá sớm ở cộng đồng cư dân Việt cổ. Cuộc sống định cư trên các lưu vực của sông Hồng, sông Mã, sông Cả đã tạo nên những cộng đồng cư dân nông nghiệp (làng, chạ) – chủ nhân của nền văn minh sông Hồng, nền văn minh lúa nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Và cũng từ đây, dần dần hình thành các hình thức sở hữu, chiếm hữu, quản lí, phân phối và sử dụng ruộng đất đầu tiên, hay nói cách khác là những nhân tố cấu thành nên chế độ ruộng đất của Việt Nam trong lịch sử.

Ở buổi đầu của thời kì lịch sử dân tộc, đất canh tác do các cộng đồng hợp lực khai phá bằng những công cụ thô sơ, theo nguyên tắc truyền thống sẽ thuộc sở hữu chung của cả cộng đồng. Trên cơ sở đó, hình thành một khái niệm ruộng chung: ruộng làng hay ruộng công. Mọi thành viên của cộng đồng đều có trách nhiệm bảo vệ ruộng chung đó, không cho phép sự lấn chiếm từ các làng, chạ láng giềng. Việc phân phối lương thực do đó cũng được thực hiện một cách bình đẳng cho các thành viên lớn, nhỏ, già, trẻ trong làng. Không ai có quyền chiếm giữ lâu dài một bộ phận ruộng đất nào đó hoặc một phần lớn thu hoạch làm của riêng mình [9, tr. 215]. Từ đây dẫn đến một thực tế, đó là vào thời kì đầu của lịch sử dân tộc, hoàn toàn không có sở hữu cá nhân về ruộng đất mà cá nhân chỉ có quyền chiếm hữu. Người có quyền chiếm hữu, sử dụng đất đai là các thành viên làng xã. Chủ sở hữu là làng xã với thiết chế tự quản, nắm quyền điều hành và phân chia ruộng đất giữa các thành viên theo nguyên tắc được cộng đồng chấp nhận và thực hiện.

Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhà nước Văn Lang ra đời trong điều kiện kinh tế chưa phát triển và sự phân hoá xã hội cũng chưa sâu sắc. Nhu cầu chống ngoại xâm và trị thủy đã đòi hỏi phải có một bộ máy quản lí xã hội chung, do đó Nhà nước sớm ra đời, đáp ứng những nhu cầu bức thiết của xã hội khi đó. Điều này ở mức độ nhất định đã chi phối đến chính sách của Nhà nước. Nhà nước Văn Lang và tiếp đó là Âu Lạc tuy cơ cấu còn sơ khai nhưng đã là một tổ chức đứng ra thực hiện chức năng quản lí xã hội và bóc lột. Tư liệu về thời kì này tương đối nghèo nàn, tuy nhiên căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội khi đó, cho phép đi đến nhận định rằng Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là một thứ chính quyền sơ khai, còn mang ít nhiều sắc thái của thời kì quá độ, có nghĩa là chức năng trấn áp, bóc lột của nó chưa nghiêm ngặt, ổn định [10; tr.159].

Và, trong thời gian tồn tại của mình, Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc cũng chưa có đủ điều kiện để triển khai các thực hiện các chính sách ruộng đất, thiết lập quyền sở hữu ruộng đất trên phạm vi cả nước; mà vẫn chấp nhận sự uỷ thác cho làng xã việc phân chia ruộng đất cho các thành viên (theo tập tục địa phương) và thu cống nạp. Tuy nhiên, khi Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc ra đời thì cũng hình thành một quan niệm nhất định về lãnh thổ quốc gia do Nhà nước quản lí chung, về những công việc chung do Nhà nước điều hành. Đó là cơ sở của cái gọi là sở hữu tối cao về ruộng đất của Nhà nước, đứng đầu là vua Hùng và tiếp nối sau này là vua Thục. Trong Nhà nước Văn Lang cũng giống như ở một số quốc gia châu Á khác, từng tồn tại chế độ *đồng sở hữu* hay *sở hữu kép* về ruộng đất của Nhà nước và làng xã. Nhà nước sở hữu gián tiếp ruộng đất thông qua làng xã. Người đứng đầu làng (Bô chính) cùng các già làng tiến hành việc phân chia ruộng đất “theo một lệ nào đó” cho các thành viên của làng để cày cấy và hưởng thụ. Người được chia ruộng chỉ có quyền sử dụng, còn ruộng đất vẫn là của làng. Về phần mình, các thành viên được chia ruộng phải có nghĩa vụ đối với làng: làm thủy lợi, chống ngập lụt, cứu giúp nhau khi có thiên tai, mất mùa, đóng góp công sức cho những công việc chung. Và quan trọng nhất, là mỗi thành viên của làng đã nhận ruộng thì phải cống nạp hàng năm một phần sản phẩm lao động cho chủ sở hữu ruộng đất là Nhà nước thông qua làng xã. Đó là bóc lột thặng dư dưới dạng cống nạp sản phẩm lao động.

Chính sách ruộng đất của Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc như vậy được chấp nhận và duy trì trong thời bấy giờ là phù hợp thực tế khách quan, phù hợp với tập tục và truyền thống của làng xã, không động chạm tới quyền lợi của bất kì thành viên nào trong kết cấu xã thôn. Đây cũng chính là một trong những cơ sở để nông dân làng xã gắn bó với nhà nước, tạo nên đặc trưng cơ bản của nền văn minh sông Hồng – nền văn minh xóm làng.

Thời kì này, do thuật luyện kim ngày càng phát triển, tạo điều kiện cho con người mở rộng công cuộc khai phá đất đai, tiến dần xuống miền đồng bằng trù phú. Nhờ công cuộc khai khẩn ruộng đất ngày càng mạnh, đưa đến sự ra đời ngày càng nhiều những xóm làng đông đúc. Khảo cổ học phát hiện nhiều di tích cư trú của cư dân Văn Lang - Âu Lạc rộng hàng vạn tới hàng chục vạn mét vuông nằm rải rác ở trung du (di tích Làng Cả thuộc thành phố Việt Trì), đồng bằng Bắc Bộ ( di tích Vinh Quang (Hoài Đức), Đình Tràng (Đông Anh) thuộc thành phố Hà Nội) và Bắc Trung Bộ (Đông Sơn, Thanh Hoá).

Kể từ năm 179TCN, nước Âu Lạc bị phong kiến phương Bắc đô hộ. Lúc này chế độ phong kiến ở Trung Quốc đã xác lập và ngày càng phát triển. Chính quyền đô hộ đã áp đặt quan hệ bóc lột phong kiến lên Âu Lạc, trong khi Âu Lạc vẫn mang đậm nét đặc trưng của “phương thức sản xuất châu Á” với “sự tồn tại hiển nhiên của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất của Nhà nước quân chủ và chế độ chiếm hữu ruộng đất chung của cộng đồng làng xã” [1, tr. 29]. Để thực hiện được chính sách cai trị và bóc lột với một xã hội mà làng xã thực sự là người nắm quyền chi phối về ruộng đất như Âu Lạc, bắt buộc chính quyền đô hộ phải có những động thái điều chỉnh tình hình sở hữu ruộng đất trên địa bàn cai quản. Bên cạnh đó, chính quyền đô hộ cũng có nhu cầu lớn về ruộng đất, nhằm giải quyết các vấn đề như:

- Thứ nhất, để nuôi dưỡng bộ máy quan lại các cấp trung thành với chính quyền ở Trung Quốc cũng như ngay tại Âu Lạc. Để vận hành và duy trì bộ máy hành chính này, chính quyền trung ương và chính quyền đô hộ ở Âu Lạc phải có chế độ bổng lộc, hình thức đãi ngộ đa dạng bằng các nguồn lợi về kinh tế, trong đó quan trọng nhất vẫn là ruộng đất.

- Thứ hai, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự định cư của cộng đồng người Hán ở Âu Lạc. Nhằm bóc lột triệt để và đồng hoá dân tộc Việt, chính quyền phương Bắc trong cả nghìn năm đô hộ đều cho phép người Hán thuộc các tầng lớp khác nhau vào Âu Lạc sinh sống xen kẽ với người Việt. Do vậy, chính quyền đô hộ cần có nguồn ruộng đất dồi dào để cho bộ phận này định cư ở làng xã và mở rộng thế lực về ruộng đất.

Trong thời Bắc thuộc, chính quyền đô hộ phong kiến phương Bắc đã thực hiện một số các

chính sách về ruộng đất, cụ thể:

- Chiếm một bộ phận ruộng đất ở các làng xã làm đồn điền, biến một bộ phận nông dân tự do trở thành nông dân lệ thuộc, phổ biến quan hệ bóc lột địa tô phong kiến.

- Tạo điều kiện cho tầng lớp quan lại người Hán và thân thuộc của họ bao chiếm ruộng đất làng xã, biến ruộng làng xã thành ruộng đất tư hữu của người Hán, tiến hành phương thức phát canh thu tô.

- Cho phép những người Hán di cư ở lẫn với người Việt trong các làng xã được khai khẩn đất hoang rồi biến thành tư điền. Trong số tư điền đó, có bộ phận dùng để phát canh thu tô, làm hình thành quan hệ bóc lột địa tô với một số nông dân người Việt. Ví dụ: con cháu họ Nguyễn, Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Phu dựa vào thế lực của Nguyễn Phu để bao chiếm ruộng đất. Hoặc con cháu Thứ sử Giao Châu đời Tấn là Đào Khảm cũng bao chiếm ruộng đất, mở rộng tư hữu. Thời Đường có con cháu của An Nam đô hộ phủ Triệu Xương...

Như vậy, cho tới cuối thời Bắc thuộc và trước cuộc cải cách của Khúc Hạo, trong xã hội Việt Nam khi đó, dưới tác động của các chính sách về ruộng đất mà chính quyền đô hộ đã thực thi trong suốt nghìn năm, đã hình thành nhiều dạng sở hữu tư nhân về ruộng đất, làm thay đổi bức tranh kinh tế nông nghiệp của Việt Nam nói chung và tình hình ruộng đất nói riêng so với thời kì Văn Lang – Âu Lạc trước đó.

Đại bộ phận ruộng đất ở các làng xã vẫn nằm trong sự quản lí của bộ máy tự quản làng xã, nhưng giờ đây quyền sở hữu của làng xã chịu sự khống chế của chính quyền đô hộ. Ruộng đất trong tay các làng xã vẫn là tài sản nuôi sống cư dân làng xã, được sử dụng theo phương thức chia đều cho các thành viên trong làng. Sở hữu tư nhân xuất hiện và tồn tại dưới hình thức là ruộng đất tư của quan lại người Hán, dân cư gốc Hán và một bộ phận quý tộc Việt, sở hữu nhỏ của nông dân tự canh. Chế độ tư hữu ruộng đất như vậy đã xuất hiện trong xã hội Việt Nam từ trước thế kỉ X nhưng chưa chiếm đại bộ phận đất đai trong nước. Mặc dù vậy, sự xuất hiện của nó vừa là hệ quả, vừa là biểu hiện của quá trình thâm nhập quan hệ bóc lột địa tô phong kiến, dưới ảnh hưởng của chính sách cai trị và bóc lột của chính quyền đô hộ.

Bức tranh thực trạng tình hình sở hữu ruộng đất với một diễn trình hình thành và tiến triển như vậy đã đặt ra trước chính quyền của họ Khúc những nhiệm vụ và cơ hội để kiến thiết đất nước trong bối cảnh lịch sử mới.

## **2.2. Chính sách bình quân thuế ruộng của Khúc Hạo đầu thế kỉ X**

Vào cuối thế kỉ IX, triều đình nhà Đường khủng hoảng, nạn cát cứ của tập đoàn phong kiến phương Bắc phát triển, nội tình Trung Quốc bị phân liệt thành cục diện ngũ đại thập quốc. Năm 905, nhân cơ hội chính quyền trung ương nhà Đường đang đứng trước nguy cơ sụp đổ, Khúc Thừa Dụ - một hào trưởng đất Hồng Châu được sự ủng hộ của dân chúng đã nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ của nhà Đường.

Khúc Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ, điều hành công việc đất nước trong 2 năm rồi sau đó con trai ông là Khúc Hạo tiếp quản sự nghiệp của cha mình. Về sự kiện này, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* có viết: “Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, con là Khúc Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là Tiết độ sứ” [11, tr. 218].

Để tránh sự dòm ngó từ phương Bắc, giống như Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo cũng chỉ nhận là Tiết độ sứ nhưng thực chất nắm trong tay toàn bộ quyền hành; duy trì mối quan hệ với triều đình phương Bắc theo cách thức “độc lập thật sự, thân thuộc trên danh nghĩa”. Đây là biện pháp ứng xử phù hợp với phong kiến phương Bắc lúc bấy giờ, bởi vì có được hoà bình và tình hình trong nước tương đối ổn định, Khúc Hạo mới có thể củng cố và phát triển đất nước [6, tr. 23].

Tư liệu hiện có không cho những thông tin cụ thể, chi tiết về bản thân Khúc Hạo cũng như sự nghiệp của ông. Hầu như những gì chúng ta biết về nhà cải cách đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đều chỉ qua những ghi chép ngắn gọn, tản mạn của chính sử, đó là Khúc Hạo nhờ vào cơ

nghiệp cũ, giữ lấy La Thành, kẻ tục sự nghiệp còn dang dở của Khúc Thừa Dụ. Nội nghiệp cha trong bối cảnh không mấy thuận lợi, buộc Khúc Hạo phải có những suy tính và bước đi thận trọng nhưng quyết đoán.

Ở bên ngoài, lúc này Trung Quốc trong cục diện bị chia năm xẻ bảy, đã tâm chiếm Việt Nam của nhà Lương bộc lộ khá rõ khi vua Lương phong cho Lưu Ân chức Tĩnh hải quân hành doanh Tiết độ sứ, An Nam đô hộ. Không chỉ có vậy, nước Nam Hán ở miền Nam Trung Quốc khi đó cũng dần mạnh lên và trở thành mối đe dọa trực tiếp tới nền tự chủ vừa mới được hình thành. Có thể nói, cứ mỗi lần triều đình phong kiến phương Bắc hưng thịnh là mỗi lần nguy cơ ngoại xâm lại trở nên cấp bách đối với đất nước ta. Yêu cầu chống xâm lược, bảo vệ quyền tự chủ vừa giành được là yêu cầu trước mắt và thường trực đối với các chính quyền dân tộc trong thế kỉ X. Với chính quyền non trẻ của họ Khúc, đây thực sự là một thách thức vô cùng lớn, đòi hỏi phải có các biện pháp kịp thời để đối phó.

Trong nước, hậu quả của hơn một nghìn năm Bắc thuộc để lại còn nặng nề. Trước năm 905, về danh nghĩa, tất cả ruộng đất của nước Âu Lạc đều thuộc quyền sở hữu của chính quyền đô hộ. Chính quyền đô hộ còn đẩy mạnh chính sách đồn điền, xâm chiếm ruộng đất của làng xã. Đại bộ phận nhân dân Việt là nông dân, cày cấy ruộng đất công phải nộp tô thuế, chịu lao dịch cho chính quyền đô hộ. Chính sách tô thuế của chính quyền thống trị ngoại bang rất nặng, làm cho trăm họ xác xơ, dẫn đến hậu quả là nhiều nơi nông dân bị phá sản. Tầng lớp nông dân bị phá sản, lưu vong ngày càng đông đảo. Các sản phẩm thiết yếu trong đời sống của người dân Việt lúc đó như muối và sắt cũng bị lệ thuộc nặng nề vào chính quyền đô hộ. Chính sách tô, dung, điệu (thuế ruộng, thuế thân, sản phẩm thủ công), rồi phép lưỡng thuế được nhà Đường thực thi cho tới trước thời điểm Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ năm 905, có thể nói đã khai thác và vơ vét triệt để mọi nguồn lợi về kinh tế của nước Âu Lạc.

Mặc dù trong thời Bắc thuộc, một số biện pháp kĩ thuật du nhập từ Trung Quốc được đưa vào sản xuất nông nghiệp đã góp phần vào việc tăng năng suất lúa và cây hoa màu khác, nhưng do chính sách bóc lột nặng nề, phiền nhiễu, vơ vét triệt để của chính quyền đô hộ và bộ máy quan lại ngoại tộc đông đảo đã làm cho đời sống của nhân dân ta hết sức khốn đốn. Không những vậy, chính sách đô hộ của các triều đại phương Bắc trong hơn một thiên niên kỉ, mà giai đoạn cuối là nhà Đường trực tiếp cai trị đã kìm hãm nghiêm trọng sự phát triển của đất nước.

Về mặt xã hội, do hậu quả của thời kì dài bị phong kiến phương Bắc đô hộ mà trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ X tồn tại một bộ phận đông đảo người Hán thuộc nhiều tầng lớp và thân phận khác nhau: quan lại đô hộ và gia đình bà con họ hàng của họ, dân Hán di cư. Dựa vào thế lực của chính quyền đô hộ, họ đã lấn chiếm ruộng đất của các làng xã, gia nhập hàng ngũ giai cấp bóc lột và thống trị. Nhiều người trong số họ sinh sống lâu dài ở Việt Nam, bị Việt hoá và trở thành một bộ phận của tầng lớp phong kiến bản địa bên cạnh tầng lớp hào trưởng địa phương người Việt. Như vậy, dưới thời Bắc thuộc, xã hội Việt Nam đã có một sự chuyển biến, hình thành một tầng lớp địa chủ ít nhiều có thế lực ở địa phương thuộc nhiều nguồn gốc và xu hướng chính trị khác nhau. Đại bộ phận cư dân vẫn là nông dân sinh sống trong các làng xã cổ truyền mang tính tự trị. Một bộ phận khác rơi xuống địa vị lệ thuộc cày ruộng, nộp tô thuế cho bọn quan lại, hào trưởng địa phương hoặc biến thành nông nô [12, tr. 77-78].

Một thực tế nữa mà Khúc Hạo không thể không nhận thấy và tính đến trong các bước đi của mình nhằm quản trị quốc gia với nền tự chủ còn non trẻ, đó là bóng dáng của sự hình thành hai vùng quyền lực: châu thổ sông Hồng và châu Ái với những gương mặt sẽ nổi bật trên chính trường ở thời gian sau như Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền, Dương Tam Kha, Lê Hoàn. “Dương Đình Nghệ tập hợp lực lượng của vùng đất phía Nam (đồng bằng sông Cả, sông Mã) là chỉ dấu đầu tiên sau chiến tranh Nam Chiếu cho thấy những khu vực này đã chuẩn bị cho việc tái khởi động cuộc đua nhằm kiểm soát đồng bằng sông Hồng” [4, tr. 118].

Trước bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội không ít những khó khăn, phức tạp như vậy Khúc Hạo đã có quyết định đúng đắn là thực thi các biện pháp nhằm khôi phục và phát triển kinh tế mà lĩnh vực trọng yếu là nông nghiệp. Giải quyết được vấn đề liên quan đến nông thôn, nông nghiệp trước hết để cải thiện đời sống của nhân dân và sau là lấy đó làm nền tảng để củng cố nền độc lập, tăng cường sức mạnh của đất nước.

Khi tiến hành các biện pháp cải cách liên quan đến nông nghiệp và ruộng đất, chắc chắn Khúc Hạo không những phải tính đến hiện trạng ruộng đất nước ta khi đó, mà còn cả truyền thống và tập tục quản lí sử dụng ruộng đất cũng như vai trò của làng xã với tư cách là một thực thể hành chính - kinh tế - xã hội. “Chính sách thuế ruộng của Khúc Hạo chỉ có thể hiểu và giải thích được khi đặt tổ chức hương, giáp, xã trên nền tảng công xã nông thôn” [3, tr.43]. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho biết ông tiến hành “chia đặt các lộ, phủ, châu và xã ở các xứ; đặt ra chánh lệnh trưởng và tá lệnh trưởng, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch; lập sổ hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi” [11, tr. 218]. Riêng nội dung cải cách trong lĩnh vực kinh tế của Khúc Hạo tuy chỉ nằm trong vài từ ngắn gọn “bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch” nhưng thực sự đóng vai trò then chốt, ảnh hưởng sâu rộng đến toàn xã hội và mang lại hiệu quả to lớn về nhiều mặt. Ông chủ trương chăm lo đến người dân bằng việc sửa đổi lại chế độ điền tô bởi lẽ nhận thức rõ một thực tế: Chính chế độ thuế và thêm vào đó là những hình thức lao dịch nặng nề thời thuộc Đường đã kìm hãm sức sản xuất và gây ra bao nỗi thống khổ cho nhân dân. Đề cập đến chính sách thuế của nhà Đường, Văn Tạo cho rằng: “Trước kia, bọn đồ hộ nhà Đường thực hiện bóc lột siêu kinh tế, mặc sức vơ vét của dân, nhiều tầng thu và nhiều loại thuế... Chính sách thuế khoá đó đến Giao Châu lại bị bọn đồ hộ sách nhiễu thêm nhiều” [6, tr. 26]. Như vậy, có thể thấy việc làm của Khúc Hạo thể hiện rất rõ tư tưởng lấy dân làm gốc, làm sức mạnh nòng cốt để xây dựng nền độc lập tự chủ. Hơn ai hết, Khúc Hạo nắm rõ cách thức truyền thống trong quản lí và phân phối ruộng đất của làng xã và ông tôn trọng truyền thống ấy; tiếp tục trao quyền tự chủ cho làng xã trong phân chia ruộng công cho các thành viên, đồng thời tiến hành đánh thuế và thu mức thuế bình quân từ các thành viên được nhận ruộng, không phân biệt người được chia ruộng thuộc tầng lớp nào trong xã hội. Mặt khác, việc ban bố và tiến hành biện pháp đánh thuế này còn là sự khẳng định quyền sở hữu tối cao về ruộng đất của chính quyền tự chủ mà đứng đầu là Khúc Hạo; qua đó đồng thời xác định rõ vị trí và vai trò của làng xã trong quan hệ đối với ruộng đất – tài sản của quốc gia. Làng xã chỉ thay mặt cho chính quyền trong việc phân chia ruộng đất và thu một phần sản phẩm của người dân. Người dân làng xã trở thành tá điền của chính quyền tự chủ, nhận ruộng từ làng xã và nộp địa tô cho chính quyền thông qua làng xã. Với hàm ý sâu sắc như vậy, có thể thấy rằng chính sách thuế ruộng mà Khúc Hạo ban hành và thực thi có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong việc giải quyết những vấn đề cấp bách của đất nước lúc bấy giờ mà còn góp phần củng cố cơ sở cho việc xác lập quyền kiểm soát làng xã của nhà nước trung ương tập quyền Đại Cồ Việt, Đại Việt ở những giai đoạn sau.

Có thể thấy rằng, các biện pháp cải cách hành chính và kinh tế của Khúc Hạo có mối quan hệ khăng khít, tác dụng tương hỗ lẫn nhau: Việc chia đặt các đơn vị hành chính tới cấp giáp, xã, làm sổ hộ khẩu và giao cho quản giáp trông coi là cơ sở cho việc tính thuế và thu thuế ruộng. Mặc dù mức thu là đồng đều, là “bình quân” nhưng dựa trên sổ khẩu kê khai mà Quản giáp nắm giữ là sự đảm bảo cho nguồn thu của nhà nước, tránh được tình trạng thất thoát hay những lạm. Xã là đơn vị hành chính nhỏ nhất ở cấp cơ sở, đồng thời cũng là đơn vị kinh tế. Nhưng đơn vị kinh tế này lại là tập hợp của các gia đình tiểu nông – tập hợp của các tá điền nhận ruộng nộp tô cho nhà nước. Sự kết hợp giữa hai biện pháp thuộc hai lĩnh vực hành chính và kinh tế này trong công cuộc khôi phục, củng cố và xây dựng đất nước phải chăng cũng là một bài học kinh nghiệm có thể rút ra từ công cuộc cải cách của Khúc Hạo? Quản lí được xã thôn, quản lí được nguồn thu thuế ruộng thông qua vai trò trung gian của làng xã, có thể nói là cách làm đơn giản nhưng hiệu quả, phù hợp với bộ máy tổ chức chính quyền còn hết sức non trẻ của họ Khúc đương thời.

Ngoài thuế ruộng ra, không thấy các bộ chính sử thời phong kiến đề cập tới thuế nhân đinh

dưới thời họ Khúc. Do đó, có lẽ từ thời điểm năm 907 cho tới khi họ Khúc rời chính trường năm 923, trong nước chỉ tồn tại duy nhất loại thuế ruộng này mà thôi. Bằng cách đánh thuế như vậy, vẫn đảm bảo được nguồn thu cho ngân khố quốc gia và đồng thời không xâm phạm tới lợi ích của cộng đồng làng xã. Người giàu, người nghèo đều bình đẳng trong đóng góp một phần sản phẩm của mình cho chính quyền, không phụ thuộc vào quy mô và hình thức sở hữu.

Chính sách bình quân thuế ruộng của Khúc Hạo dường như cũng không đụng chạm đến bộ phận ruộng đất tư nhân và nguồn lợi kinh tế của các chủ sở hữu mặc dù trong xã hội lúc đó, bộ phận ruộng tư đã xuất hiện và tồn tại với các chủ sở hữu có nguồn gốc đa dạng như đã trình bày ở trên. Đa phần, các chủ sở hữu ruộng tư thuộc tầng lớp trên trong xã hội, có uy tín, có thể lực về kinh tế và quân sự khi đó. Điều này còn giúp chính quyền non trẻ của họ Khúc tránh được những xung đột bất lợi với tầng lớp địa chủ đang lên, góp phần ổn định trật tự xã hội, nhất là trong bối cảnh nguy cơ xâm lược từ bên ngoài và xu hướng phân tán, cát cứ ở trong nước còn tiềm ẩn.

Những phân tích ở trên cho thấy chính sách bình quân về thuế ruộng của Khúc Hạo không trực tiếp đề cập tới vấn đề sở hữu ruộng đất, chỉ nhằm mục đích đảm bảo nguồn thu của Nhà nước, tập trung thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Ở mức độ nhất định, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp sẽ kéo theo sự phát triển của thủ công nghiệp và các hoạt động trao đổi, buôn bán (không ngoại trừ việc mua bán ruộng đất). Đây có thể coi là những điều kiện thuận lợi cho các yếu tố phong kiến tiếp tục phát triển và lan rộng trong xã hội Việt Nam lúc đó, tạo tiền đề cho sự xác lập của chế độ phong kiến ở giai đoạn sau.

### 3. Kết luận

Nếu Khúc Thừa Dụ đi vào lịch sử dân tộc với mốc thời gian năm 905, mở ra thời kì tự chủ cho dân tộc sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, thì người kế nghiệp ông là Khúc Hạo đã đặt những viên gạch đầu tiên cho một lộ trình diễn ra trong suốt thế kỉ X-lộ trình chuyển biến từ một chính quyền lệ thuộc mang tính sơ khai, lỏng lẻo sang một triều đình được tổ chức chặt chẽ và có hệ thống [4, tr.116]. Để củng cố và bảo vệ nền độc lập dân tộc, từng bước khôi phục và xây dựng tiềm lực cho đất nước, họ Khúc đã sử dụng các biện pháp, chính sách linh hoạt trong các hoạt động đối nội và đối ngoại. Trong đó, chính sách thuế đối với ruộng đất của Khúc Hạo vừa mang ý nghĩa thực tiễn đồng thời có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng. Việc đề ra chính sách này là sự thể hiện hết sức rõ ràng quyền lực cai trị của chính quyền họ Khúc, tư tưởng và thái độ của họ Khúc trong vấn đề đất đai, về quyền sở hữu và xác lập quyền sở hữu của nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất, nhưng đồng thời vẫn có sự dung hoà với lợi ích của làng xã dựa trên những tập tục truyền thống.

Điểm đặc sắc trong chính sách thuế ruộng của Khúc Hạo trong bối cảnh chính quyền tự chủ non trẻ đang phải đối mặt với tình hình không ít phức tạp của thế kỉ X, đó là ông cho tiến hành đồng thời với các biện pháp về hành chính (chia đặt lại các đơn vị hành chính, lập sổ hộ khẩu), các biện pháp về xã hội (tha bỏ lực dịch) vừa nhằm thiết lập sự quản lí của nhà nước trên toàn lãnh thổ cai quản, vừa ổn định trật tự xã hội và tăng cường nguồn nhân lực cho các lĩnh vực sản xuất. Chính sách “bình quân thuế ruộng” còn thể hiện sự khéo léo của chính quyền họ Khúc trong ứng xử với làng xã khi biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc; coi làng xã là đơn vị hành chính - kinh tế - xã hội và lấy đó làm nền tảng để quản lí đất nước một cách hệ thống, chặt chẽ từ trung ương tới cơ sở. Chính vì vậy, chính sách thuế ruộng mà ông đề ra có tác dụng và ảnh hưởng lớn đến việc cải thiện đời sống cho nhân dân, ổn định xã hội, thu hút mọi nguồn lực cho công cuộc trung hưng đất nước ở đầu thế kỉ X, đúng như sau này các sử gia đã nhận xét: “chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị. Nhân dân đều được an vui” [11, tr. 218]. Với chính sách này, tên tuổi của Khúc Hạo được khắc ghi vào sử sách như một nhà chính trị, một nhà cải cách thành công trong lịch sử Việt Nam thời trung đại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Danh Phiệt, 1984. “Về tầng lớp thổ hào, hào trưởng trong xã hội Việt Nam hồi thế kỉ X”. In trong *Thế kỉ X, những vấn đề lịch sử*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Lê, 1983. “Tính chất, chức năng của Nhà nước thế kỉ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 208. tr. 22-32.
- [3] Phan Huy Lê, 1999. “Về tính chất của nhà nước thời Khúc - Dương - Ngô - Đinh - Tiền Lê (905-1009)”. *Tìm về cội nguồn*. Nxb Thế giới, Hà Nội. tr. 17-51.
- [4] Lê Hiến Chương, 2020. “Thế kỉ X trong tiến trình lịch sử Việt Nam: Một thời kì quá độ và điển hình”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*. Volume 65. Issue 2. pp. 112-119.
- [5] Lê Kim Ngân, 1984. “Thế kỉ X và phương thức sản xuất châu Á”. *Thế kỉ X - Những vấn đề lịch sử*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- [6] Văn Tạo, 2006. *Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [7] Trương Hữu Quýnh, 1982. “Một phác thảo về cơ cấu xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ X”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 203. tr. 18-20.
- [8] Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tô Uyên, Nguyễn Duy Bình, 2013. “Một số chuyên đề lịch sử Cổ Trung đại Việt Nam”. T.2: *Kinh tế nông nghiệp Việt Nam thời trung đại (Thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XIX)*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [9] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Hà Nội, Khoa lịch sử, 1997. *Một số chuyên đề về lịch sử Việt Nam*. Tập bài giảng, in lần thứ 3 có bổ sung. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Văn Tân, Nguyễn Linh, Lê Văn Lan, Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Hưng, 2008. *Thời đại Hùng Vương. Lịch sử - văn hoá - kinh tế - chính trị - xã hội*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Trương Hữu Quýnh (CB), 1998. *Đại cương lịch sử Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

## ABSTRACT

### **Khúc Hạo with the consolidation of independence and the construction of the country in the tenth century - As seen from the tax policy on land**

Tran Thi Thai Ha

*Faculty of Social Sciences Education, Saigon University*

In 907, Khuc Hao continued his father's autonomy as Khuc Thua Du. As the head of the country, Khuc Hao carried out reforms in various aspects to build an independent and self-reliant country, gradually free from the influence of the Chinese colonial regime. The article contributes to clarifying the content and role of the "egalitarian land tax" policy under Khuc Hao as well as its influence on the stability and development of the country at the time. Thanks to a combination of both administrative and economic measures; skillful in dealing with villages, knowing how to rely on the people, taking the people as the root, taking the village as an administrative-socio-economic unit as the foundation, the government of the Khuc Hao period managed the country systematically, tight from central to grassroots. Therefore, the egalitarian land tax policy that Khuc Hao implemented had a great effect and influence on improving people's lives, stabilizing society, and attracting all resources for the restoration of the country at the beginning of the X century.

**Keywords:** Khuc Hao, field tax, average field tax, land.